

Số: **48/2017/QĐDS-ST**

Ngày: 21/8/2017

*Công nhận sự thỏa thuận v/v phân
chia tài sản chung trong thời kỳ
hôn nhân*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Bà **Hà Thị Tám** - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà **Thào Thị Thu Nhân** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B tham gia phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Thanh Tú** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 60/2017/TLST-VDSHNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 về việc “*Công nhận sự thỏa thuận v/v phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân*” theo Quyết định mở phiên họp số: 60/2017/QĐPH - ST ngày 07 tháng 8 năm 2017.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chồng: ông **Đặng S Ch** - sinh năm 1959. Giấy CMND số: 012997791 cấp ngày 10/6/2011 tại Công an thành phố N (*Vắng mặt*);

2. Vợ: bà **Lê Thị Th** - sinh năm 1963. Giấy CMND số: 013191775 cấp ngày 01/7/2011 tại Công an thành phố N (*Có mặt*);

Cùng địa chỉ: Số nhà 340, tổ dân phố 15, phường M, thành phố Đ, tỉnh B.

Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

Yêu cầu công nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng đối với những tài sản sau:

- Nhà và đất tại địa chỉ: Số nhà 12, tổ dân phố 15, phường M, thành phố Đ, tỉnh B; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB444742, số vào sổ cấp: H01991/QSDĐ do UBND thành phố Đ cấp ngày 16/9/2005 mang tên ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th.

- Nhà và đất tại địa chỉ: Khu biệt thự 04, lô N09A khu đô thị V, phường V, quận G, thành phố N; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 223075, số vào sổ cấp GCN:

CS 07456 ngày 19/11/2014 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố N cấp mang tên ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th.

- Nhà và đất tại địa chỉ: Số 210 + 2C ngõ 218 Q, phường B, quận H, thành phố N; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 676287; hồ sơ gốc số 3710/QĐ-UB cấp ngày 07/11/2011 được chuyển nhượng từ ông Đỗ H Th và bà Đặng Thị Ph L vào ngày 12/5/2015 mang tên ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th;

- Nhà và đất tại địa chỉ: Ô số 8, khu A, tập thể Viện hóa, phường V, quận G, thành phố N; Giấy CNQSDĐ số: AQ 043079 cấp ngày 31/7/2009 mang tên ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th;

- Nhà và đất tại địa chỉ: Tổ 73, phường V, quận G, thành phố N; giấy CNQSDĐ số 10113093611, hồ sơ gốc số 1499 do UBND quận G cấp ngày 30/9/2004 được chuyển nhượng từ ông Nguyễn S C và bà Nguyễn Thị H ngày 20/3/2007 mang tên ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th;

- Nhà và đất tại địa chỉ: R5, số 27A Nguyễn Trãi, phường Đ, thành phố N; giấy CNQSDĐ số BX 017121; sổ vào sổ cấp GCN: 12553 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố N cấp ngày 17/12/2014 mang tên ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th;

Ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th đã thỏa thuận thống nhất giao cho bà Lê Thị Th toàn quyền quản lý, sử dụng, sở hữu và định đoạt những tài sản trên.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B nhận định:

Bà Lê Thị Th và ông Đặng S Ch kết hôn với nhau vào năm 1985 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị xã L, tỉnh L (nay là tỉnh B), trong quá trình chung sống, vợ chồng có một số tài sản chung sau:

- Nhà và đất tại địa chỉ: Số nhà 12, tổ dân phố 15, phường M, thành phố Đ, tỉnh B; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB444742, sổ vào sổ cấp: H01991/QSDĐ do UBND thành phố Đ cấp ngày 16/9/2005 mang tên ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th.

- Nhà và đất tại địa chỉ: Khu biệt thự 04, lô N09A khu đô thị V, phường V, quận G, thành phố N; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 223075, sổ vào sổ cấp GCN: CS 07456 ngày 19/11/2014 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố N cấp mang tên ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th.

- Nhà và đất tại địa chỉ: Số 210 + 2C ngõ 218 Q, phường B, quận H, thành phố N; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 676287; hồ sơ gốc số 3710/QĐ-UB cấp ngày 07/11/2011 được chuyển nhượng từ ông Đỗ H Th và bà Đặng Thị Ph L vào ngày 12/5/2015 mang tên ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th;

- Nhà và đất tại địa chỉ: Ô số 8, khu A, tập thể Viện hóa, phường V, quận G, thành phố N; Giấy CNQSDĐ số: AQ 043079 cấp ngày 31/7/2009 mang tên ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th;

- Nhà và đất tại địa chỉ: Tổ 73, phường V, quận G, thành phố N; giấy CNQSDĐ số 10113093611, hồ sơ gốc số 1499 do UBND quận G cấp ngày 30/9/2004 được chuyển nhượng từ ông Nguyễn S C và bà Nguyễn Thị H ngày 20/3/2007 mang tên ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th;

- Nhà và đất tại địa chỉ: R5, số 27A Tr, phường Đ, thành phố N; giấy CNQSDĐ số BX 017121; số vào sổ cấp GCN: 12553 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố N cấp ngày 17/12/2014 mang tên ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th.

Nay vợ chồng ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th tự nguyện thỏa thuận và thống nhất giao toàn bộ số tài sản trên cho bà Lê Thị Th trực tiếp quản lý, sử dụng, sở hữu và định đoạt. Ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng.

Xét thấy, việc ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đ công nhận sự thỏa thuận về phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy yêu cầu của ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

* **Về lệ phí:** Sau khi được giải thích quy định của pháp luật về nghĩa vụ chịu án phí, lệ phí Tòa án, bà Lê Thị Th tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết vụ việc.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 8 Điều 28, điểm s khoản 2 Điều 39, Điều 367, 369, 370, 371, 372 và khoản 1 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa ông **Đặng S Ch** và bà **Lê Thị Th**.

Giao cho bà **Lê Thị Th** trực tiếp quản lý, sử dụng, sở hữu và định đoạt những tài sản sau:

- Nhà và đất tại địa chỉ: Số nhà 12, tổ dân phố 15, phường M, thành phố Đ, tỉnh B; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB444742, số vào sổ cấp: H01991/QSDĐ do UBND thành phố Đ cấp ngày 16/9/2005 mang tên ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th.

- Nhà và đất tại địa chỉ: Khu biệt thự 04, lô N09A khu đô thị V, phường V, quận G, thành phố N; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 223075, số vào sổ cấp GCN: CS 07456 ngày 19/11/2014 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố N cấp mang tên ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th.

- Nhà và đất tại địa chỉ: Số 210 + 2C ngõ 218 Q, phường B, quận H, thành phố N; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 676287; hồ sơ gốc số 3710/QĐ-UB cấp

ngày 07/11/2011 được chuyển nhượng từ ông Đỗ H Th và bà Đặng Thị Ph L vào ngày 12/5/2015 mang tên ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th;

- Nhà và đất tại địa chỉ: Ô số 8, khu A, tập thể Viện hóa, phường V, quận G, thành phố N; Giấy CNQSDĐ số: AQ 043079 cấp ngày 31/7/2009 mang tên ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th;

- Nhà và đất tại địa chỉ: Tổ 73, phường V, quận G, thành phố N; giấy CNQSDĐ số 10113093611, hồ sơ gốc số 1499 do UBND quận G cấp ngày 30/9/2004 được chuyển nhượng từ ông Nguyễn S C và bà Nguyễn Thị H ngày 20/3/2007 mang tên ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th;

- Nhà và đất tại địa chỉ: R5, số 27A Tr, phường Đ, thành phố N; giấy CNQSDĐ số BX 017121; sổ vào sổ cấp GCN: 12553 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố N cấp ngày 17/12/2014 mang tên ông Đặng S Ch và bà Lê Thị Th;

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp: bà Lê Thị Th tự nguyện chịu **300.000 đồng** (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001442 ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B; Bà Lê Thị Th đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSNDTPĐBP.
- Người yêu cầu;
- Chi cục THA DS TPĐBP;
- Tòa án ND tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ;
- Kế toán;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Hà Thị Tám

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2016/QĐST - DS
*V/v yêu cầu tuyên bố một người
mất tích*

Đ, ngày 13 tháng 9 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần phiên họp gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà **Vũ Thị Tuyến**

Thư ký phiên họp: Ông **Cao Xuân Tuân**

Kiểm sát viên tham gia phiên họp: Bà **Vì Thị Hiền**

Mở phiên họp công khai vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 21 tháng 6 năm 2016 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B để giải quyết việc dân sự thụ lý số: 10/2016/TLST - VDS ngày 24 tháng 8 năm 2016.

) Người yêu cầu:* Ông **Đào Đức Sở - Sinh năm 1942

Địa chỉ: Số nhà 63, tổ dân phố 22, phường M, thành phố Đ, tỉnh B.

) Người bị yêu cầu tuyên bố mất tích:* Bà **Trần Thị Hiền - Sinh năm 1951

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Nhà hàng ăn uống Ngọc Hiền, Khách sạn hàng không - Tổ dân phố 04, phường Thanh Bình, thành phố Đ, tỉnh B.

Nội dung yêu cầu: **Tuyên bố một người mất tích**

Sau khi ông Đào Đức Sở trình bày nội dung yêu cầu, Tòa án xem xét và công bố các tài liệu, chứng cứ do người yêu cầu cung cấp; Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự;

XÉT THẤY

Năm 1996 bà Trần Thị Hiền thuê khách sạn hàng không Đmở cửa hàng ăn uống Ngọc Hiền. Trước khi đi khỏi B vào thời gian năm 2000 bà Hiền đã chuyển nhượng trái phép nhà đất của tôi cho con nuôi là Hà Duyên Lâm ở Cục Hàng không Việt Nam công tác tại Cảng hàng không B, vợ là Nguyễn Thị Nga ở Văn phòng tỉnh ủy B; nơi cư trú tổ dân phố 22, phường M, thành phố Đ, tỉnh B. Năm 2007 ông Sở khởi kiện đòi quyền sử dụng đất Lâm Nga đang chiếm dụng khởi kiện lần thứ hai Tòa án nhân dân thành phố Đyêu cầu ông Sở phải làm thủ tục thông báo tìm kiếm bà Hiền vắng mặt tại nơi cư trú theo Quyết định số: 08/2007/QĐ-ĐC ngày 31/7/2007. Ông Sở phải thực hiện đăng tin tìm bà Hiền trên báo công lý và Trung tâm quảng cáo, dịch vụ phát thanh ngày 20/8/2007 có hóa đơn kèm theo. Từ đó đến nay bà Hiền không có mặt tại Tòa và cũng không biết địa chỉ ở đâu, để giải quyết vụ việc trên ông Sở yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B tuyên bố bà Trần Thị Hiền mất tích để Tòa án giải quyết vụ việc cho ông Sở bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp cho công dân theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc bà Hiền đã biệt tích từ năm 2000 cho đến nay mà không không có tin tức xác thực về việc bà Hiền còn sống hoặc đã chết đã được chính quyền địa phương xác nhận và để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ pháp luật, ông Sở đã Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú từ năm 2007 nhưng

bà Hiên vẫn không thấy bà Hiên trở về. Do vậy yêu cầu của ông Sở là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

* **Về lệ phí:** Sau khi được giải thích quy định của pháp luật về nghĩa vụ chịu án phí, lệ phí Tòa án, ông Đào Đức Sở chịu tiền lệ phí giải quyết vụ việc.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 78 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 27, Điều 361, 367, 369, 370, 371, 372, 388, 389, 390 và khoản 1 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 39 Pháp lệnh 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án; mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo pháp lệnh 10).

1. Tuyên bố bà Trần Thị Hiên mất tích.

2. Về lệ phí: Ông Đào Đức Sở phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001094 ngày 24 tháng 8 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B; Bà Tuyền đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

Chi phí cho việc đăng, phát thông tin tìm kiếm do ông Đào Đức Sở chịu.

3. Quyết định này đương nhiên hết hiệu lực trong trường hợp người bị Tòa án tuyên bố mất tích trở về hoặc người có quyền, lợi ích liên quan có quyền yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất tích.

4. Ông Đào Đức Sở có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 (Mười) ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Quyết định này có thể bị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDTPĐBP.
- Người yêu cầu;
- Chi cục THA DS TPĐBP;
- Tòa án ND tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ;
- Kế toán;
- Lưu VP.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
THẨM PHÁN**

Vũ Thị Tuyền

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-TA

Đ, ngày 13 tháng 9 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH
THÔNG BÁO TÌM KIẾM NGƯỜI BỊ YÊU CẦU
TUYÊN BỐ MẤT TÍCH**

Kính gửi: - **Tòa soạn Báo Công Lý**; Địa chỉ: 48A, Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố N.

- **Ban biên tập Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân Tối Cao**; Địa chỉ: 48, Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố N.

- Ủy ban nhân dân tỉnh B; Địa chỉ: Tổ dân phố 20, phường M, thành phố Đ, tỉnh B.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Căn vào Điều 388 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào hồ sơ việc dân sự đã thụ lý số: 05/2016/DSST ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B, về việc: “*Yêu cầu tuyên bố một người mất tích*” giữa:

*) *Người yêu cầu*: Ông **Đào Đức Sở** - Sinh năm 1942

Địa chỉ: Số nhà 63, tổ dân phố 22, phường M, thành phố Đ, tỉnh B.

*) *Người liên quan*: Bà **Trần Thị Hiên** - Sinh năm 1951

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Nhà hàng ăn uống Ngọc Hiên, Khách sạn hàng không - Tổ dân phố 04, phường Thanh Bình, thành phố Đ, tỉnh B.

Nội dung thông báo:

“Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B thông báo cho: Bà Trần Thị Hiên - Sinh năm 1951; Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Nhà hàng ăn uống Ngọc Hiên, Khách sạn hàng không - Tổ dân phố 04, phường Thanh Bình, thành phố Đ, tỉnh B đã biệt tích từ năm 2000 cho đến nay mà không có tin tức xác thực về việc bà Hiên còn sống hoặc đã chết. Hiện nay bà Hiên ở đâu về ngay Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B (Tổ dân phố 11, phường Him Lam, thành phố Đ, tỉnh B) để giải quyết việc Ông Đào Đức Sở - Sinh năm 1942; Địa chỉ: Số nhà 63, tổ dân phố 22, phường M, thành phố Đ, tỉnh B yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ tuyên bố bà Trần Thị Hiên mất tích. Trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày thông báo, bà Trần Thị Hiên không có mặt thì Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B giải quyết vụ việc theo luật định”.

Trên đây là nội dung yêu cầu khẩn tin, Tòa án nhân dân thành phố rất mong được sự phối hợp của quý cơ quan.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu Hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
THẨM PHÁN

Vũ Thị Tuyến

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đ, ngày 15 tháng 8 năm 2012

**BIÊN BẢN
PHIÊN HỌP GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

Vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 06 tháng 8 năm 2014 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B, mở phiên họp công khai để giải quyết việc dân sự thụ lý số: 25/2014/TLST - VDS ngày 11 tháng 7 năm 2014

Đối với: **Yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú.**

NHỮNG NGƯỜI THAM GIA PHIÊN HỌP

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà **Vũ Thị Tuyền**

Thư ký phiên họp: Ông **Quàng Văn Long**

Kiểm sát viên tham gia phiên họp: Bà **Vì Thị Hiền**

) Người yêu cầu:* Chị **Nguyễn Thị Nụ - sinh năm 1985

Nơi ĐKNKTT: Số nhà 1086, tổ dân phố 3, phường M, thành phố Đ, tỉnh B.

Tạm trú tại: Số nhà 80, tổ dân phố 25, phường M, thành phố Đ, tỉnh B.

) Người liên quan:* Anh **Nguyễn Quốc Lực - Sinh năm: 1980

Nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 1086, tổ dân phố 3, phường M, thành phố Đ, tỉnh

B.

NỘI DUNG PHIÊN HỌP

Thẩm phán khai mạc phiên họp, kiểm tra sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên họp: *Người yêu cầu chị Nụ có mặt tại phiên họp.*

Người yêu cầu chị Nụ trình bày về yêu cầu Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh Nguyễn Quốc Lực.

Chị Nguyễn Thị Nụ và anh Nguyễn Quốc Lực kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 28/4/2007 tại UBND phường M, thành phố Đ, tỉnh B. Trong quá trình chung sống vợ chồng liên tiếp xảy ra nhiều mâu thuẫn. Vì vậy đến tháng 01 năm 2013 anh Lực bỏ nhà đi, từ đó cho đến nay anh Lực không liên lạc gì về cho gia đình. Nay anh Lực làm gì, ở đâu không ai biết.

Chị Nụ yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm anh Nguyễn Quốc Lực theo quy định của pháp luật.

Về chi phí đăng, phát tin cho việc tìm kiếm anh Lực chị Nụ sẽ chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

Về lệ phí: Chị Nụ chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết vụ việc.

Thẩm phán xem xét và công bố các tài liệu, chứng cứ:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án căn cứ vào Căn cứ vào Điều 74 Bộ luật dân sự; Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Điều 311, 313, 314, 326, 327, 328, 329 và Điều 133 Bộ luật tố tụng dân sự và

khoản 2 Điều 39 Pháp lệnh 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú của chị Nụ, chị Nụ phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

Thẩm phán nhận định việc giải quyết việc dân sự. Sau nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của người yêu cầu và ý kiến của Viện kiểm sát, Thẩm phán chấp nhận yêu cầu Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú của chị Nguyễn Thị Nụ đối với anh Nguyễn Quốc Lực và đọc Quyết định giải quyết việc dân sự.

Biên bản kết thúc vào hồi 09 giờ 00' ngày 06 tháng 8 năm 2014. Biên bản đã được thông qua, mọi người tham gia phiên họp nhất trí ký tên.

**THƯ KÝ
GHI BIÊN BẢN**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**